TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/HS-ST
Ngày 02/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Kim Niệm;
Bà Võ Thị Thu Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa*:** Ông Trịnh Đình Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn Ng, sinh ngày 15/9/1990 tại Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu 1, xã TX, huyện LT, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi VB, sinh năm 1959 và bà Bùi TT, sinh năm 1957, sinh năm 1957; bị cáo có vợ tên Khổng Thị X, sinh năm 1993; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/01/2023 đến ngày 02/02/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2023, bị cáo bị truy nã và tạm giam từ ngày 12/6/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phương Đức L, sinh ngày 21/11/1995 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp 9, xã AL, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương VT, sinh năm 1958 và bà Hà Thị KA, sinh năm 1964; bị cáo có vợ tên Hồ TU, sinh năm 1991; tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/01/2023 đến

ngày 02/02/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trương Văn M (tên gọi khác: Kh), sinh ngày 10/4/1983 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn BB, xã CT, huyện TM, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp 9, xã AL, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương VM, sinh năm 1963 và bà Nguyễn TS, sinh năm 1964; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/01/2023 đến ngày 02/02/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Trần Quang T, sinh ngày 20/02/1988 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp 30/4, xã AL, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần VH (chết) và bà Tạ TL, sinh năm 1957; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị X, sinh năm 1994; bị cáo có 01 người con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/01/2023 đến ngày 02/02/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trần Văn Th, sinh ngày 19/5/1990 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp 2, xã TH, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần NN (chết) và bà Nguyễn Z, sinh năm 1960; bị cáo có vợ tên Nguyễn TP, sinh năm 1992 (đã ly hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/01/2023 đến ngày 02/02/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 30/01/2023, Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T và Trần Văn Th đến phòng trọ của Bùi Văn Ng thuộc ấp PB, xã AL, huyện P, tỉnh Bình Dương. Tại đây, các bị cáo rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức bài cào tố 03 lá thì tất cả đồng ý. Ng đến tiệm tạp hóa mua 02 bộ bài tây loại 52 lá để sử dụng đánh bạc. Hình thức chơi: Mỗi người chơi đặt tiền cược là 20.000 đồng, mỗi người chơi được chia 03 lá bài. Sau khi xem bài của mình, người chơi không lật bài ngay mà tiến hành tố, số tiền tố không quá 200.000 đồng, theo hoặc úp bài. Sau khi tố xong tiến hành so bài phân định thắng thua. Cách tính thắng thua: quân Át được tính 1 điểm, các quân từ 2-10 được tính tương ứng với giá trị trên số trên lá bài; J, Q, K tính 10 điểm. Cộng 03

lá lại tính điểm, 0 điểm là thấp nhất, 9 điểm là cao nhất. Nếu điểm tổng lớn hơn 9 thì lấy số hàng đơn vị. Ngoài ra còn có Sáp là 03 lá bài giống nhau, sáp có giá trị lớn nhỏ tùy thuộc vào giá trị lá bài. Liêng là 03 lá bài có giá trị liên tiếp, giá trị của liêng tùy thuộc vào giá trị lá bài, liêng lớn nhất là J, Q, K. Ba tây là 03 lá bài hình người, giá trị các bộ ba tây đều bằng điểm nhau. Sáp là điểm lớn nhất, sau đó đến Liêng và cuối cùng là Ba tây. Sau khi so bài ai lớn nhất thì thắng hết số tiền cược và được chia bài ván mới. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày khi đang đánh bạc thì bị Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện P phát hiện bắt quả tang.

Qua điều tra xác định được như sau: Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng là 13.970.000 đồng (mười ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng); trong đó: Phương Đức L mang theo số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng), Trương Văn M mang theo số tiền 4.480.000 đồng, Bùi Văn Ng mang theo số tiền 1.080.000 đồng, Trần Quang T mang theo số tiền 5.200.000 đồng và Trần Văn Th mang theo số tiền 1.510.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ: Số tiền 1.230.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc; 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; số tiền 12.740.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo, trong đó: Phương Đức L số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); Trương Văn M số tiền 4.080.000 đồng (bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); Bùi Văn Ng số tiền 660.000 đồng (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); Trần Quang T số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) và Trần Văn Th số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng của Phương Đức L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Trương Văn M; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh của Bùi Văn Ng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng của Trần Quang T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen của Trần Văn Th.

Cáo trạng số 70/CT-VKSPG ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng phạm tội "Đánh bạc";

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn Ng từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phương Đức L từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn M từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Quang T từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn Th từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng;

- Về biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.970.000 đồng (mười ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng); trong đó: Số tiền 1.230.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc và số tiền 12.740.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng.

Trong phần tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với tội danh và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng khai nhận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 16/01/2023, tại phòng trọ của bị cáo Bùi Văn Ng thuộc ấp PB, xã

AL, huyện P, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Bùi Văn Ng, Trần Quang T và Trần Văn Th đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền hình thức bài cào tố 03 lá thì bị lực lượng Công an xã AL phát hiện bắt quả tang thu giữ số tiền 1.230.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) tại chiếu bạc và tổng số tiền 12.740.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Bùi Văn Ng, Trần Quang T và Trần Văn Th. Tổng số tiền các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Bùi Văn Ng, Trần Quang T và Trần Văn Th dùng để đánh bạc là 13.970.000 đồng (mười ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Về nhận thức, các bị cáo biết được hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Với các tình tiết của vụ án được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ kết luận hành vi của các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

[4] Cáo trạng số 70/CT-VKSPG ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Trong đó, các bị cáo đều chủ động tham gia đánh bạc với vai trò là người thực hành. Tuy nhiên, cũng cần áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự để phân hoá hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an trong khu vực. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

+ Bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo M được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Ng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Qua đó, giảm một phần hình phạt đối với các bị cáo, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật và Nhà nước mà an tâm tự cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Xét các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Văn Th và Trần Quang T có mức hình phạt tù không quá 03 năm, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú và nơi làm việc; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nơi làm việc ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn. Đối với bị cáo Bùi Văn Ng đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú lại bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, đã bị cơ quan Công an truy nã và bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2023. Do đó, HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

- Số tiền 1.230.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc và số tiền 12.740.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng, trong đó: Phương Đức L số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); Trương Văn M số tiền 4.080.000 đồng (bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); Bùi Văn Ng số tiền 660.000 đồng (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); Trần Quang T số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) và Trần Văn Th số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng). HĐXX xét thấy, đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng thu tại hiện trường vụ án là công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng thu giữa của bị cáo Phương Đức L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Trương Văn M; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh thu giữ của bị cáo Bùi Văn Ng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng thu giữ của bị cáo Trần Quang T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen thu giữ của bị cáo Trần Văn Th. HĐXX xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 30/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho các bị cáo nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, điểm d khoản 1 Điều 125, Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 87, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn Ng 06 (sáu) tháng tù,

thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2023, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/01/2023 đến ngày 02/02/2023;

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 87, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Xử phạt bị cáo Phương Đức L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2023).

Giao bị cáo Phương Đức L cho Uỷ ban nhân dân xã AL, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Phương Đức L có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phương Đức L kể từ ngày 02/8/2023. ;

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 87, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Xử phạt bị cáo Trương Văn M 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2023).

Giao bị cáo Trương Văn M cho Uỷ ban nhân dân xã AL, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Trương Văn M có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trương Văn M kể từ ngày 02/8/2023.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 87, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Xử phạt bị cáo Trần Quang T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2023).

Giao bị cáo Trần Quang T cho Uỷ ban nhân dân xã AL, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Trần Quang T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Quang T kể từ ngày 02/8/2023.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 87, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2023).

Giao bị cáo Trần Văn Th cho Uỷ ban nhân dân xã F, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Trần Văn Th có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Văn Th kể từ ngày 02/8/2023.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.970.000 đồng (mười ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng); trong đó: Số tiền 1.230.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc và số tiền 12.740.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo.

(Thể hiện tại Giấy nộp tiền mặt ngày 17 tháng 4 năm 2023, đơn vị trả tiền Công an huyện P, đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án dân sự huyện P tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Phước)

3.2 Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng.

(Thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương với Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương)

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Phương Đức L, Trương Văn M, Trần Quang T, Trần Văn Th và Bùi Văn Ng mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV 06);
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã An Linh, huyện P, tỉnh Bình Dương (để thông báo);
- UBND xã Tứ Xá, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (để thông báo);
- UBND xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (để thông báo);
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Lâm